

VAI TRÒ CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI DÂN SỰ QUA Ý KIẾN CÁC CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NHẠC PHAN LINH*

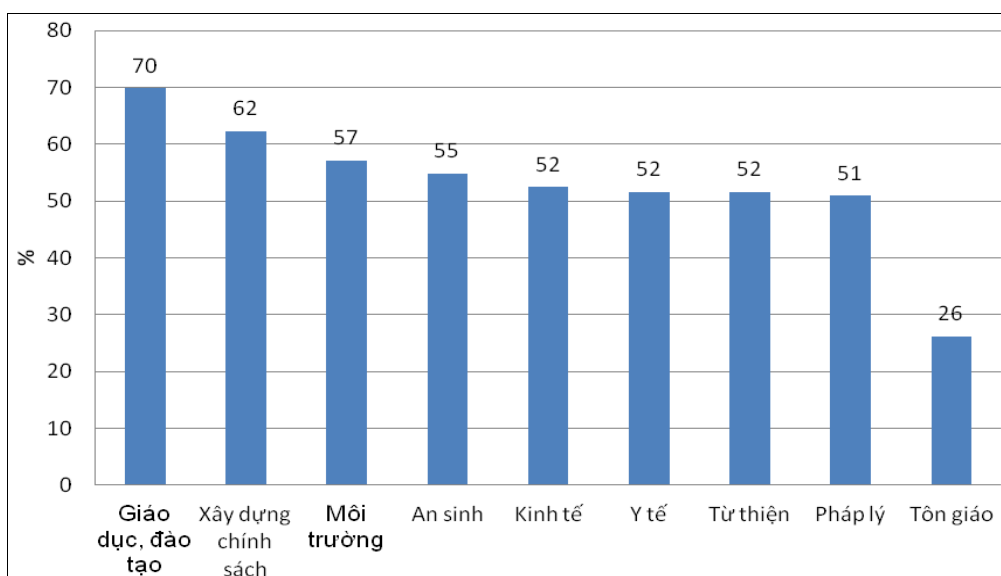
Lâu nay, ở Việt Nam, sự tồn tại của cái gọi là xã hội dân sự (XHDS) gây không ít tranh luận. Tuy nhiên, khi những tranh luận về khái niệm, tính chất, đặc trưng của “cái xã hội ngoài nhà nước” còn chưa ngã ngũ thì có lẽ việc xem xét về vai trò của nó, khi khẳng định không chính thức về sự tồn tại của XHDS, là điều có thể đề cập và bàn luận.

Bài viết này giới thiệu những ghi nhận bước đầu về vai trò của XHDS qua đánh giá của nhóm cán bộ công chức ở Việt Nam. Bài viết dựa trên sự phân tích kết quả của cuộc nghiên cứu trên 600 cán bộ công chức tại 5 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương. Nghiên cứu này sử dụng cách tiếp cận và kế thừa có chọn lọc *Bộ công cụ Đánh giá ngắn gọn chỉ số dân sự (CSI-SAT)* của Liên minh Thế giới Vì sự tham gia của công dân (CIVICUS) nghiên cứu bước đầu về XHDS ở Việt Nam năm 2007.

1. Về lĩnh vực tham gia và nội dung công việc của XHDS

Kết quả nghiên cứu cho thấy, lĩnh vực đời sống được ghi nhận sự tham gia mạnh mẽ nhất của XHDS là *Giáo dục, đào tạo* với 70%. Tiếp đó là lĩnh vực *Xây dựng chính sách* với 62%. Thấp nhất là chỉ số về lĩnh vực tôn giáo với 26%.

Biểu đồ 1: Quan niệm về sự xuất hiện của XHDS trong các lĩnh vực đời sống (%)



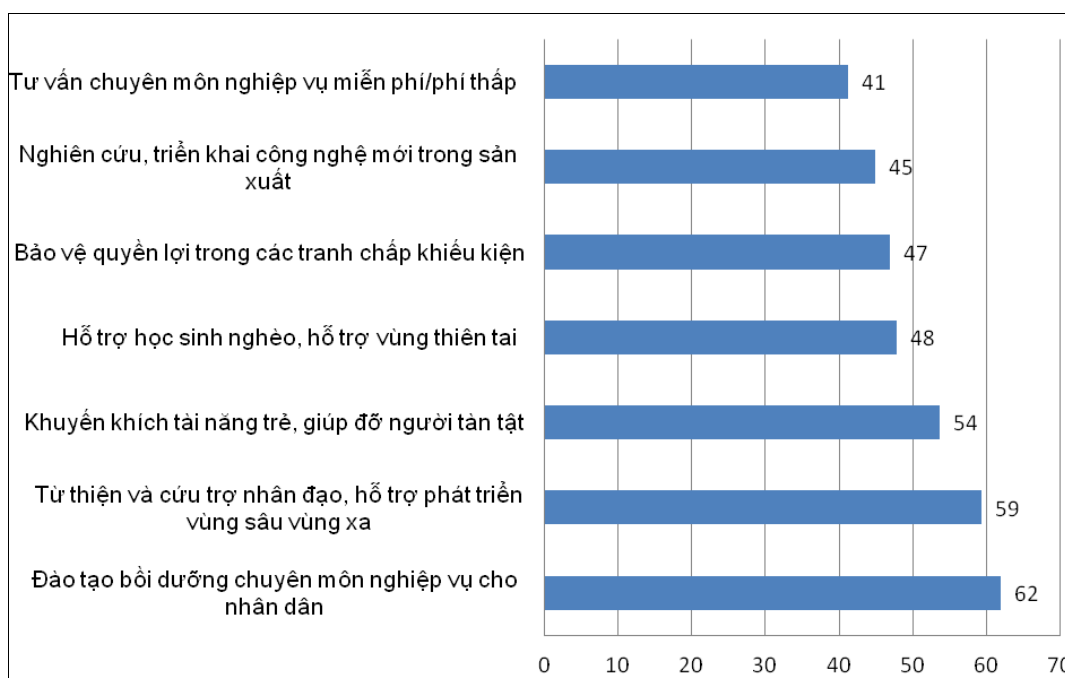
* ThS, Khoa Xã hội học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Tuy nhiên, nhìn tổng thể Biểu đồ 1, ở tất cả các lĩnh vực khác được liệt kê như *Xây dựng chính sách, Môi trường, An sinh, Kinh tế, Y tế, Từ thiện, Tư pháp, Pháp lý* tỷ lệ ghi nhận về sự hiện diện của XHDS trong đời sống chiếm tới hơn 50% ý kiến. Đây là tín hiệu tích cực cho việc đánh giá về vai trò của XHDS ở Việt Nam.

Với nhận định bước đầu như vậy, chỉ số về những nội dung công việc cụ thể mà XHDS tham gia cũng phản ánh một kết quả tương tự trong nhận thức của công chức.

Công tác đào tạo, cung cấp kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho các nhóm dân cư là nội dung công việc được biết đến nhiều nhất với 62% mẫu nghiên cứu ghi nhận. Tiếp theo là công tác từ thiện và cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ phát triển vùng sâu vùng xa và các hoạt động khuyến khích tài năng trẻ với tỷ lệ lần lượt là 59% và 54% (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Hiểu biết về nội dung hoạt động của XHDS (%)



Như vậy, với tỷ lệ trung bình trên dưới 50%, đánh giá của khách thể nghiên cứu về các lĩnh vực và nội dung hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự (XHDS) là khá tích cực. Tuy nhiên, phạm vi được biết tới mới chỉ chủ yếu trong các vấn đề như đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, nhân đạo-từ thiện, chưa chú ý nhiều đến các hoạt động thương mại hay khu vực tư nhân.

• **Hiểu biết về hoạt động cụ thể của các XHDS**

Với khoảng cách mờ nhạt về mặt ranh giới với khu vực Nhà nước và tư nhân, hoạt động của các XHDS ở Việt Nam hứa hẹn sự đa dạng và phong phú.

Các số liệu phân tích cho thấy vai trò rất tích cực của các XHDS là các cơ quan báo chí, truyền thông trong các nội dung hoạt động chủ đạo của XHDS. Với tính đại chúng

mạnh mẽ, các hoạt động nhằm *đáp ứng những mối quan tâm của xã hội* thu hút được tới 95,5% sự chú ý của công chức. Tỷ lệ thấp nhất ghi nhận sự tham gia của các cơ quan báo chí/truyền thông là hoạt động *Duy trì trách nhiệm giải trình của Chính phủ và các công ty tư nhân* cũng rất cao, lên tới 84,2%. Do vậy, tỷ lệ trung bình mẫu nghiên cứu biết tới các hoạt động của XHDS báo chí, truyền thông cao nhất trong tất cả các dạng XHDS, đạt 90,5% (Bảng 1). Điều này cho thấy, các sản phẩm truyền thông đại chúng đã và đang đóng vai trò là kênh thông tin tin cậy đối với nhóm cán bộ, công chức ở các thành phố lớn.

Bảng 1: Hiểu biết về hoạt động của các XHDS (%)

Stt	<u>Hoạt động XHDS tham gia</u>	Các nhóm XHDS								
		Báo chí, truyền thông	MTTQ Công đoàn Đoàn TN	Hội Nông dân + Hội LH Phụ nữ	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Viện nghiên cứu/ Trường Đại học/Hiệp hội	Các nhóm quần chúng/ phi chính thức	Nhóm các NGO VN + QT	Nhóm các Liên hiệp hội/ Liên minh	Các tổ chức Tín ngưỡng
1.	<u>Gây ảnh hưởng đối với chính sách công</u>	87,7	81,4	80,1	71,2	71,6	73,8	57	62,9	56,3
2.	<u>Duy trì trách nhiệm giải trình của Chính phủ và các công ty tư nhân</u>	84,2	73,6	74	62,5	65,6	67,2	59,7	60,1	49,7
3.	<u>Đáp ứng những mối quan tâm của xã hội</u>	95,5	94,3	93,1	92,1	88,6	89,8	78,1	85,5	79,5
4.	<u>Tăng cường quyền lực cho công dân</u>	89,6	88,6	84,7	71,3	69,1	80,3	58	57,9	59,7
5.	<u>Đáp ứng các nhu cầu XH</u>	94,4	89,4	93,3	92,1	92	91,5	82,2	89,5	82,3
6.	Thúc đẩy dân chủ	93,5	94,3	91,5	77,7	77,9	87,5	71,2	74,7	73,4
7.	Tăng cường tính minh bạch tài chính	84,5	81,7	75,3	63,5	69,3	70,2	62,4	58,8	46,5
8.	Thúc đẩy tính khoan dung xã hội	90,7	89,7	86,5	87	76,5	88,6	75,7	70,8	85
9.	Thúc đẩy tính phi bạo lực và hoà bình	90	86,5	85,3	86,6	75,7	33,7	81,4	76,7	80,4
10.	Thúc đẩy bình đẳng giới	92	90,5	88,8	78,7	74,6	80,5	76,6	72,3	74,9
11.	Xoá nghèo	90,8	93,4	94,4	88,6	87,4	78	84,3	76,7	75,4
12.	Duy trì môi trường bền vững	92,9	89,2	90,1	88,8	88,8	82,3	85,8	82,3	77,7
	Tỷ lệ trung bình	90,5	87,7	86,4	80,0	78,1	77,0	72,7	72,3	70,1

Xếp thứ hai trong việc được đối tượng công chức nắm bắt các hoạt động là nhóm các XHDS gồm MTTQ Việt Nam, Liên đoàn Lao động và Đoàn Thanh niên. Hai hoạt động *Thúc đẩy dân chủ* và *Đáp ứng những mối quan tâm của xã hội* - cùng thu hút được sự quan tâm của 94,3% người được hỏi. Số người cho rằng các XHDS này tham gia vào việc *Duy trì trách nhiệm giải trình của Chính phủ và các công ty tư nhân* chiếm tỷ lệ ít nhất, đạt 73,6%. Tỷ lệ trung bình số người biết đến các hoạt động mang tính dân sự của MTTQ Việt Nam, Liên đoàn Lao động và Đoàn Thanh niên là 87,7%. Con số này cao hơn một chút so với sự ghi nhận về hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - 86,4%.

Một nhóm các tổ chức được coi là thành phần quan trọng của XHDS ở Việt Nam bao gồm Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), Liên hiệp các Hội Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (VWAA), Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam (VUFO) và các tổ chức trực thuộc 3 tổ chức đó lại chỉ đứng ở vị trí áp chót về số người quan tâm, chiếm 72,3%.

Các NGO của Việt Nam và quốc tế được biết tới nhiều nhất trong các hoạt động *Duy trì môi trường bền vững* (85,8%) và *Xoá nghèo* (84,3%). Lĩnh vực hạn chế nhất của các XHDS dạng này là những vấn đề liên quan đến chính quyền nhà nước như *Duy trì trách nhiệm giải trình của Chính phủ và các công ty tư nhân* (59,7%) và những hoạt động *Tăng cường quyền lực cho công dân* (58,0%).

Dạng XHDS được cho là ít tham gia nhất vào các hoạt động của cộng đồng XHDS tại Việt Nam là các tổ chức tín ngưỡng. Một đặc điểm của các tổ chức này là hướng tới sự cảm thông, khoan dung, độ lượng, vì vậy có đến 85,0% người được hỏi cho rằng hoạt động của các XHDS dạng này là nhằm *Thúc đẩy tính khoan dung xã hội*.

Nhìn chung, hai vấn đề: *đáp ứng những mối quan tâm của xã hội* và *đáp ứng các nhu cầu xã hội* được ghi nhận có sự tham gia nhiều nhất của XHDS với 6 nhóm XHDS, bao gồm: nhóm Báo chí-truyền thông; nhóm MTTQ-Công đoàn-Đoàn Thanh niên; Hội Chữ thập đỏ; nhóm các Viện nghiên cứu-trường Đại học-hiệp hội nghề nghiệp; nhóm các liên hiệp hội-liên minh; và các nhóm quần chúng-phi chính thức. Như vậy, sự hiện diện của XHDS trong mối quan hệ với khu vực Nhà nước và tư nhân có vẻ như đã đáp ứng được sự kỳ vọng chung của nhóm cán bộ công chức. Vậy, các kỳ vọng đó được thể hiện như thế nào và được thỏa mãn đến đâu? Đánh giá về hiệu quả hoạt động của XHDS sẽ cho ta câu trả lời.

2. Về hiệu quả hoạt động của XHDS

2.1. Về hiệu quả tham gia các phong trào xã hội

Với tính chất cơ bản là bên ngoài khu vực Nhà nước và tư nhân, XHDS tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội chủ yếu thông qua môi trường hoạt động là các phong trào xã hội.

Bảng 2 cho thấy những người được hỏi ghi nhận hiệu quả hoạt động cao của XHDS trong các phong trào như: *Hiến máu nhân đạo* (52,4%), *Khuyến học* (57,4%), *Ngày vì người nghèo* (67,2%), *Người tốt việc tốt* (56,4%), *Xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư* (54,4%), *Bảo vệ an ninh tổ quốc* (58,6%). Đặc biệt các phong trào *Đền ơn đáp nghĩa* được cho là công việc XHDS phát huy vai trò và hiệu quả tốt nhất với 70,8% người lựa

chọn. Trên thực tế, các phong trào kể trên hiện diện với tư cách chủ yếu là hoạt động của các tổ chức chính trị-xã hội như MTTQ, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ. Các tổ chức này lại nằm dưới sự điều hành của các cơ quan công quyền. Như vậy, điều này tiếp tục khẳng định về ranh giới mờ nhạt giữa XHDS và khu vực công ở Việt Nam.

Bảng 2: Đánh giá hiệu quả của XHDS trong các phong trào xã hội (%)

Stt	Các phong trào	Mức độ đánh giá			
		<i>XHDS không tham gia</i>	<i>Hiệu quả thấp</i>	<i>Hiệu quả trung bình</i>	<i>Hiệu quả cao</i>
1.	Bảo thọ	15,7	22,8	32,5	29,0
2.	Đình công, tranh chấp công nghiệp	24,5	22,0	29,4	24,1
3.	Bảo vệ môi trường	5,2	19,4	34,0	41,4
4.	Chính đôn, xây dựng năng lực Đảng	12,3	9,1	31,0	47,6
5.	Giảm nhẹ thiên tai	8,3	16,2	40,6	34,9
6.	Doanh nhân trẻ/Doanh nhân vừa và nhỏ	9,3	18,4	41,4	30,9
7.	Hiến máu nhân đạo	2,8	10,0	34,7	52,4
8.	Khuyến học	3,0	7,5	32,0	57,4
9.	Đền ơn đáp nghĩa	3,4	6,3	19,5	70,8
10.	Ngày vì người nghèo	3,0	6,2	23,6	67,2
11.	Người tốt việc tốt	4,1	8,2	31,3	56,4
12.	Quy chế dân chủ cơ sở	4,8	11,7	35,1	48,5
13.	Thanh niên lập nghiệp	4,3	14,1	42,7	38,8
14.	Thi đua	5,9	13,3	39,4	41,4
15.	Xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	4,9	8,5	32,2	54,4
16.	Bảo đảm an toàn trật tự giao thông	4,9	21,5	38,1	35,5
17.	Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc	4,3	6,3	30,8	58,6
18.	Trẻ nghèo vượt khó	3,1	11,9	42,0	43,1
19.	Giảm nghèo	4,7	8,5	37,8	49,0

Nhóm các hoạt động được cho là XHDS tham gia nhưng hiệu quả chỉ đạt ở mức trung bình bao gồm: *Giảm nhẹ thiên tai* (40,6%), các phong trào *Doanh nhân trẻ/doanh nhân vừa và nhỏ* (41,4%), *Thi đua* (39,4%), *Trẻ nghèo vượt khó* (42,0%).

Tỷ lệ đánh giá hiệu quả thấp đối với sự tham gia của các XHDS là ba phong trào *Bảo thọ* (22,8%), *Đình công, tranh chấp công nghiệp* (22%) và *Bảo đảm an toàn trật tự giao thông* (21,5%). Riêng các phong trào *Đình công, tranh chấp công nghiệp* cũng là phong trào xã hội được coi là không có sự tham gia của các XHDS nhiều nhất với tỷ lệ xác nhận là 24,5%. Số liệu này cho thấy sự hiện diện yếu ớt của các tổ chức công đoàn trong các công ty, doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam trong việc đấu tranh bảo vệ quyền lợi cho người lao động.

2.2. Về hiệu quả thực hiện các mục tiêu cụ thể

Các số liệu nghiên cứu cho thấy rằng trong các mục tiêu đưa ra, dường như XHDS đã phần nào đạt được những tiến bộ nhất định với mức trung bình được ghi nhận là 58,8% số người được hỏi. Tuy nhiên, theo giới công chức, phần lớn việc thực hiện các mục tiêu mới đạt ở mức trung bình, chứ chưa thực sự hiệu quả. Sự ghi nhận về hiệu quả cao chỉ đạt được ở mức trung bình là 22,8%, trong đó *Tác động chính sách xã hội* là nội dung được cho là XHDS đã phát huy hiệu quả nhất với 36,7% người được hỏi ghi nhận.

Bảng 3: Đánh giá sự hiệu quả của XHDS trong việc thực hiện các mục tiêu cụ thể (%)

Stt	Các tác động	Mức độ đánh giá		
		<i>Không hiệu quả</i>	<i>Có hiệu quả</i>	<i>Rất hiệu quả</i>
1.	Tác động chính sách quyền con người	6,6	63,6	29,8
2.	Tác động chính sách xã hội	3,8	59,5	36,7
3.	Tác động đến Quy trình dự toán ngân sách quốc gia	29,2	53,5	17,3
4.	Duy trì trách nhiệm giải trình của Chính phủ	21,9	55,0	23,2
5.	Duy trì trách nhiệm giải trình của các công ty tư nhân	42,6	46,2	11,2
6.	Mức độ đáp ứng	20,4	66,4	13,2
7.	Sự tin cậy của công chúng	7,4	64,2	28,4
8.	Cung cấp thông tin/ giáo dục công dân	8,8	59,9	31,4
9.	Tăng cường năng lực cho hành động của tập thể	11,9	64,5	23,6
10.	Tăng cường quyền lực cho người dân kém vị thế	25,9	53,5	20,6
11.	Tăng cường quyền lực cho phụ nữ	9,8	62,8	27,4
12.	Xây dựng vốn xã hội	19,4	55,5	25,2
13.	Hỗ trợ sinh kế	18,7	63,1	18,2
14.	Vận động các quy định về dịch vụ công	24,1	59,7	16,2
15.	Đáp ứng trực tiếp các nhu cầu xã hội	11,8	63,0	25,3
16.	Đáp ứng các nhu cầu của những nhóm người kém vị thế	32,1	50,6	17,4
	Trung bình	18,4	58,8	22,8

Đánh giá sự không hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu có chỉ số trung bình là 18,4% nhưng lại có các chỉ số khá chênh lệch và phân tán.

Các nội dung (1), (2), (7), (8), (11) được đánh giá cao, chỉ có không tới 10% ý kiến phủ nhận tính hiệu quả. Trong khi đó, những nội dung liên quan đến khu vực công như

(3), (4), (10), (14), (16) và đặc biệt là hoạt động *Duy trì trách nhiệm giải trình của các công ty tư nhân* lại kém hiệu quả. Những kết quả này phản ánh phần nào nhận định lâu nay cho rằng người dân hay các XHDS ít khi được tham gia vào công tác điều hành vĩ mô của Nhà nước.

Sự phân tán và thiếu nhất quán trong đánh giá về hiệu quả và mức độ ảnh hưởng của XHDS với các nội dung hoạt động phản ánh sự thiếu định hình đầy đủ về khái niệm XHDS trong nhóm khách thể nghiên cứu.

Nói tóm lại, qua những đánh giá bước đầu về phạm vi lĩnh vực, nội dung công việc và hiệu quả hoạt động, vai trò của XHDS đã bước đầu được ghi nhận ở Việt Nam. Phần lớn các ý kiến (trên 50%) ghi nhận việc các XHDS gần như tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ những hoạt động mang tầm vĩ mô như gây ảnh hưởng đối với chính sách công đến những hoạt động cụ thể như tư vấn, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho các nhóm đối tượng v.v... Tuy nhiên, với những mục tiêu riêng, mức độ tham gia vào từng loại hoạt động cụ thể của các nhóm XHDS là không đồng đều. Bản thân trong từng nhóm cũng có sự khác biệt. Trong đó, nhóm XHDS báo chí, truyền thông được đánh giá tham gia tích cực nhất vào các hoạt động của đời sống xã hội, còn mức độ tham gia ít nhất thuộc về các nhóm tôn giáo, tín ngưỡng.

Bên cạnh đó, hiệu quả hoạt động của các XHDS chủ yếu được ghi nhận thông qua các phong trào xã hội mang tính cộng đồng, tình nguyện. Tác động của XHDS đến khu vực công là chưa đều, mạnh về xây dựng chính sách nhưng yếu về giải trình trách nhiệm. Đặc biệt, XHDS được cho là "bất lực" đối với khu vực tư nhân.

Kết quả nghiên cứu cũng phản ánh một thực tế là việc các tác động của XHDS được nhìn nhận chưa rõ ràng, chưa nhất quán bởi sự mơ hồ về khái niệm, đặc trưng của XHDS ở Việt Nam trong nhóm cán bộ, công chức được nghiên cứu.